TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:16/2020/HS-ST
Ngày: 29/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ TỈNH G L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Sỹ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông **Lưu Thông**
2.Ông **Lê Văn Do**
Thư ký phiên toà: Ông **Vũ Đức Quang**, cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ Đ,tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

H Đ T - Sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Quốc tịch: Việt N, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/12, Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: H Đ B - Sinh năm: 1955. Con bà: Đ T L - Sinh năm: 1959. Hiện cha, mẹ của bị cáo đang sinh sống tại Thôn 3, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Gia đình bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 2000, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Vợ: T T T - Sinh năm 1989, hiện đang sinh sống tại Thôn 3, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Bị cáo chưa có con. Tiền án: không, tiền sự: 01 tiền sự, Ngày 24/08/2018, H Đ T bị Hạt kiểm lâm huyện Đ Đ, tỉnh G L quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác lâm sản trái phép tại Quyết định số 0001057/QĐ-XPVPHC. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự:
Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L
Đại diện theo pháp luật: Ông P X P, sinh năm: 1978 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1.H V N– sinh năm: 1986
Trú tại: Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
2.B T N – sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
3.Đ V T – sinh năm: 1983
Trú tại: Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
4.P H D – sinh năm: 1986
Trú tại: Thôn C B, xã H N, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Có mặt
5.N V D – sinh năm: 1991
Trú tại: Làng D R, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
6.K Y – sinh năm: 1991
Trú tại: Làng D R, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
7.In – sinh năm: 1995
Trú tại: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
8.Thuin – sinh năm: 1988
Trú tại: Làng KT, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
9.L T P – sinh năm: 1986
Trú tại: Thôn 2, xã Tân Bình, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
10.N V Q – sinh năm: 1988
Trú tại: Thôn T Đ, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
11.B – sinh năm: 1993
Trú tại: Làng Kop, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
12.B Y – sinh năm: 1983
Trú tại: Làng Klót, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
13.T K C – sinh năm: 1973
Trú tại: Làng K, xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt
14.N Q V – sinh năm: 1979
Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L.
Vắng mặt

Người bào chữa cho bị cáo H Đ T: Ông H V K – Luật sư văn phòng luật sư H K thuộc Đoàn luật sư tỉnh G L.

Có mặt

Người phiên dịch: Ông J

Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/08/2018, H Đ T đã bị Hạt kiểm lâm huyện Đ Đ, tỉnh G L quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác lâm sản trái phép theo Quyết định số 0001057/QĐ-XPVPHC.

Khoảng 08 giờ ngày 18/10/2018, H Đ T cùng với H V N (sinh năm 1986, trú tại Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ) và B T N (sinh năm 1981, trú tại Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ) ngồi chơi ở nhà T. Trong lúc nói chuyện, N nói khi đi làm rẫy có thấy mấy cây Bời lời tại khu vực rừng thuộc địa bàn xã K G, huyện Đ Đ nên cả N, N và T thống nhất đi khai thác mang về để sử dụng. T lấy chiếc máy cưa Lôk rồi nổ máy chiếc xe máy cày nhãn hiệu KUBOTA của T chở theo N đi vào rừng, còn N điều khiển xe máy của N (xe không có biển số, loại xe phế liệu) đi theo sau. Khi vào đến khu vực rừng thuộc địa bàn xã K G, huyện Đ Đ, bị cáo H Đ T cho xe máy cày dựa vào một gốc cây gỗ Sữa (đã bị người khác cắt hạ trước đó, cây đang bị phân hủy) rồi cùng B T N, H V N dùng chiếc cưa Lôk cắt hạ được 02 cây gỗ Bời Lời. và 01 cây gỗ Chôm Chôm rồi dùng máy cày tời gỗ lên bãi tập kết trên đỉnh núi. Cả ba đã dùng cưa cắt 03 cây gỗ thành 07 khúc gỗ ngắn rồi vận chuyển lên thù xe máy cày 06 khúc, còn một khúc gỗ nhỏ và ngắn nên không lấy mà bỏ lại tại đây. Lúc này là buổi trưa ngày 19/10/2018, sau khi ăn cơm xong, bị cáo T trực tiếp điều khiển xe máy cày chở 06 khúc gỗ đi để về, N ngồi trên xe còn N đi xe máy chở chiếc cưa Lôk.

Trong khi đó, trưa ngày 19/10/2018, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ (UBND xã K G) nhận được thông tin báo việc khai thác gỗ trái phép tại khu vực rừng làng K nên đã chỉ đạo nhóm cán bộ đến hiện trường kiểm tra, xử lý. Trong đó có ông P H D (sinh năm 1986, Cán bộ địa chính UBND xã K G) và ông N V D (sinh năm 1991, Phó trưởng Công an xã K G) cùng một số cán bộ, công chức xã kết hợp với Tổ vệ rừng của làng K, xã K G đi đến hiện trường. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Tổ kiểm tra của UBND xã K G (Tổ kiểm tra của UBND xã K G) đi đến đỉnh núi thuộc Tiểu khu 461 thuộc Lâm phần do UBND xã K G quản lý thì phát hiện xe chở gỗ của T. Lúc này, H V N đã điều khiển xe máy chở theo chiếc cưa Lôk của T bỏ chạy và B T N cũng xuống xe bỏ trốn. H Đ T dừng xe rồi trốn vào một bụi cây nhưng sau đó đã ra trình diện và nhận là chủ xe gỗ, tên N V T, trú tại Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ. Ông N V D tiến hành lập biên bản vi phạm và T ký vào biên bản với tên N V T rồi bỏ đi. Trên đường về, T gọi điện thoại cho anh họ là Đ V T (sinh năm 1983, trú tại Thôn 2, xã H Y, huyện Đ Đ) để nhờ T xin lại xe gỗ bị bắt. Khi T đi vào xin xe gỗ cho T nhưng nhóm cán bộ xã K G không đồng ý, đồng thời nhờ T điều khiển xe chở gỗ về UBND xã K G. T đồng ý nhưng khi điều khiển xe đi được khoảng 01km thì xe bị hư hỏng hệ thống phanh nên không đi được nữa. Sau khi gọi điện thoại xin ý kiến của Lãnh đạo UBND xã K G, ông N V D đã quyết định bỏ xe gỗ lại rồi cùng đoàn cán bộ xã K G đi bộ về theo hướng xã H Y. Trên đường về, Đ V T mời tất cả vào nhà rẫy B đường của anh Đ Đ H (sinh năm

1981, trú tại Thôn 2, xã H Y) để ăn cháo, uống rượu rồi tất cả đi về. Đối với Biên bản vi phạm được ông N V D lập trước đó đã bị bỏ lại nhà rẫy của anh Đ Đ H và anh H đã vứt bỏ nên không thu giữ được.

Đến sáng ngày 20/10/2018, H Đ T đi vào vị trí chiếc xe máy cày bỏ hết số gỗ trên xe xuống và điều khiển xe về nhà cất giấu. Số gỗ này đã bị mất nhưng không xác định được người lấy nên không thu giữ được. Nội dung vụ việc sau đó được báo cáo đến các cơ quan chức năng huyện Đ Đ để tiến hành xử lý theo quy định. Qua điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã xác định H Đ T chính là người trực tiếp điều khiển xe máy cày chở gỗ và bị Tổ kiểm tra của UBND xã K G phát hiện, lập biên bản vào chiều ngày 19/10/2018. H Đ T cũng đã khai báo thừa nhận hành vi của mình và giao nộp các tang vật liên quan gồm 01 chiếc xe máy cày nhãn hiệu Kubota L2012DT có gắn thùng, tời độ chế và 01 chiếc máy cưa, nhãn hiệu HERO, màu vàng.

Qua giám định kết luận: Tổng khối lượng thiệt hại của 04 cây gỗ (bao gồm cả cây Sữa) là 8,436m^3; chủng loại gỗ Sữa, Bời lời, Chôm chôm thuộc nhóm IV, V và Hệ số thiệt hại về môi trường rừng (Ktn) bằng 3. Tại Kết luận định giá số 73 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ, G L kết luận tổng trị giá của 04 cây gỗ là 16.256.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình điều tra có đủ căn cứ để xác định bị cáo H Đ T cùng các đối tượng N và N chỉ trực tiếp khai thác trái phép 03 cây gỗ, có khối lượng là 3,997m^3; chủng loại gỗ Bời lời, Chôm chôm, thuộc nhóm IV, V với tổng trị giá thiệt hại là 7.433.000 đồng. Riêng đối với cây gỗ Sữa có khối lượng 4,439m^3 tính giá trị thành tiền là 8.813.000 đồng, bị cáo H Đ T và các đối tượng liên quan không trực tiếp cắt hạ mà do người khác đã cắt hạ trước đó và cây gỗ đang trong quá trình phân hủy.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 02/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L đã truy tố bị cáo H Đ T về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* được quy định tại Điểm m Khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo H Đ T về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo H Đ T từ 04 (Bốn) tháng đến 06 (Sáu) tháng tù.

Buộc bị cáo bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã K G số tiền 7.433.000 đồng

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo 10.000.0000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Buộc bị cáo bồi thường số tiền 7.433.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã K G

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) xe máy cày nhãn hiệu Kubota L2002DT, đầu xe màu cam, sau có thùng, tời độ chế, đã qua sử dụng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ không kiểm tra tình trạng máy bên trong.

01 (một) chiếc máy cưa nhãn hiệu Hero 365, màu cam, đã quả sử dụng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ không kiểm tra tình trạng máy bên trong.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhưng đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 24/08/2018, H Đ T bị Hạt kiểm lâm huyện Đ Đ, tỉnh G L quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác lâm sản trái phép tại Quyết định số 1057/QĐ-XPVPHC. Đến ngày 18/10/2018, H Đ T tiếp tục có hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Bời lời, Chôm chôm thuộc nhóm IV, V, có khối lượng là 3,997m^3 với tổng trị giá thiệt hại là 7.433.000 đồng tại lô 9, khoảnh 3 Tiểu khu 459 thuộc lâm phần do UBND xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L quản lý.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu ngày 24/08/2018, H Đ T bị Hạt kiểm lâm huyện Đ Đ, tỉnh G L quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác lâm sản trái phép tại Quyết định số 1057/QĐ-XPVPHC;

+ Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo H Đ T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp đến xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi này, chưa được xóa mà còn tiếp tục có hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Bời lời, Chôm chôm, khối lượng là 3,997m^3.

Tài nguyên rừng là tài sản của nhà nước được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Mặc dù nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, nhiều giải pháp trong việc bảo về rừng cũng như tuyên truyền rộng rãi thông qua báo, đài trên cả nước nhưng tình trạng phá rừng trái phép không giảm mà ngày càng gia tăng, đặc biệt nạn phá rừng trên địa bàn tỉnh G L hiện nay vẫn một điểm nóng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội, cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian và đồng thời cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với H V N và B T N là những người trực tiếp tham gia cùng với bị cáo H Đ T vào việc khai thác gỗ trái phép. Tuy nhiên, hành vi của H V N và B T N chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ ra Quyết định xử phạt hành chính đối với H V N và B T N là phù hợp.

Đối với lãnh đạo UBND xã K G, huyện Đ Đ trong quá trình quản lý chỉ đạo điều hành đã không thực hiện hết trách nhiệm dẫn đến việc rừng bị khai thác trái phép và các đối tượng vi phạm tẩu tán phương tiện, tang vật sau khi sự việc bị phát hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Đối với 03 cây gỗ Bời lời, Chôm chôm thuộc nhóm IV, V. Số gỗ này đã bị mất nhưng không xác định được người lấy nên không thu giữ được. Nội dung vụ việc sau đó được báo cáo đến các cơ quan chức năng huyện Đ Đ để tiến hành xử lý theo quy định.

Đối với ông N V D bị tố cáo có hành vi nhận số tiền 15.000.000 đồng của các đối tượng vi phạm sau khi sự việc bị phát hiện nhưng sau đó đã trả lại. Tuy nhên, ông D không thừa nhận hành vi này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ quyết định tách nội dung này ra để điều tra thành một tin báo tội phạm khác, khi nào có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[5] Về vật chứng:

01 chiếc xe máy cày nhãn hiệu Kubota L2012DT, có thùng, tời độ chế và 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu HERO 365, màu vàng là của bị cáo H Đ T. Bị cáo cùng các đối tượng liên quan đã sử dụng các tài sản này làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Về mặt dân sự:

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ yêu cầu bị cáo H Đ T và các đối tượng liên quan bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với việc khai thác 03 cây gỗ Bời lời, Chôm chôm nêu trên với tổng số tiền là 7.433.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trên. Xét việc bồi thường là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.Tuyên bố bị cáo H Đ T phạm tội: *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".*

3.Xử phạt:

+ Bị cáo **H Đ T** 09 (Chín) tháng tù. thời hạn tù tình từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành án.

+Buộc bị cáo H Đ T phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã K G, huyện Đ Đ, tỉnh G L số tiền 7.433.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 15.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, B phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) xe máy cày nhãn hiệu Kubota L2002DT, đầu xe màu cam, sau có thùng, tời độ chế, đã qua sử dụng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ không kiểm tra tình trạng máy bên trong.

01 (một) chiếc máy cưa nhãn hiệu Hero 365, màu cam, đã qua sử dụng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ không kiểm tra tình trạng máy bên trong. (*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ).*

5.Về án phí: Buộc bị cáo H Đ T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2020), bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu:Hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Sỹ